

DANH MỤC VẬT TƯ THIẾT BỊ THANH LÝ ĐỢT 1 NĂM 2025

Số TT		Mã TS-VTTB	Tên và quy cách, chủng loại VTTB	ĐVT	Số lượng	Tình trạng kỹ thuật
			Tổng cộng:			
		LÔ 2- VTTB THUỘC CHẤT THẢI NGUY HẠI:				
Kho: R84 - DAN-R84-Kho thu hồi thanh lý (CL≤50%)						
1	17 03 04	3.42.24.633.CZE.25.D00	LBS kiểu hở 22kV-Ngoài trời-630A-25kA/s-Dập hồ quang bằng dầu-cách điện Polymer	Bộ	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
2	16 01 13	8.73.05.800.CHN.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 1 biểu giá, 5(80)A, 220V, CCX1, Module RF, DDS26D, Cmis 642	Cái	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
3	16 01 13	8.73.05.807.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 1 biểu giá, 20(80)A, 220V, CCX1, Module PLC, VSE11-20, Cmis 604	Cái	309	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
4	16 01 13	8.73.05.809.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 1 biểu giá, 5(80)A, 220V, CCX1, Module PLC, HHM-11, Cmis 584	Cái	160	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
5	16 01 13	8.73.05.811.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 1 biểu giá, 5(80)A, 220V, CCX1, Module RF, DDS26D-11, Cmis 585	Cái	18	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
6	16 01 13	8.73.05.812.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 1 biểu giá, 10(80)A, 220V-230V, CCX1, Module RF, CE-18, Cmis 654	Cái	875	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
7	16 01 13	8.73.05.815.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 1 biểu giá, 5(80)A, 220V, CCX1, Module PLC, SF80P-20, Cmis 100	Cái	3	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
8	16 01 13	8.73.05.817.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 3 biểu giá, 5(80)A, 220-230V, CCX1, Module RF, CE-14, Cmis 101	Cái	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
9	16 01 13	8.73.05.823.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 1 biểu giá, 5(80)A, 220V, CCX1, Module RF, DDS26D, Cmis 578	Cái	7	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
10	16 01 13	8.73.05.824.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 1 biểu giá, 10(40)A, 220V, CCX1, Module PLC, VSE11-10, Cmis 106	Cái	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
11	16 01 13	8.73.05.851.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 1 pha 1 biểu giá, 5(80)A, 220V, CCX1, Module PLC, SF80C-10, Cmis 104	Cái	11	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
12	16 01 13	8.73.25.004.ENG.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 1 biểu giá, đo đếm 2 chiều, 3x5(100)A, 230/400V, CCX1, Module RJ45, A1120, Cmis 790	Cái	32	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
13	16 01 13	8.73.25.008.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 1 biểu giá, 3x5(100)A, 220/380-230/400V, CCX1, Module RF, DTS27, Cmis 579	Cái	14	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
14	16 01 13	8.73.25.009.CHN.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 1 biểu giá, đo đếm 2 chiều, 3x10(100)A, 220/380V, CCX1, Module RF, DTS27, Cmis 668	Cái	25	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
15	16 01 13	8.73.25.013.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, 3x5(100)A, 220/380-230/400V, CCX1, Module PLC, HHM-38, Cmis 587	Cái	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)

16	16 01 13	8.73.25.014.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 1 biểu giá, 3x5(100)A, 220/380V-230/400V, CCX1, Module RF, ME-40, Cmis 655	Cái	42	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
17	16 01 13	8.73.25.015.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 1 biểu giá, 3x5(100)A, 220/380-230/400V, CCX1, Module PLC, HHM-31, Cmis 586	Cái	5	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
18	16 01 13	8.73.25.042.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, 3x5(100)A, 220/380-230/400V, CCX1, Module RF, ME-42, Cmis 305	Cái	4	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
19	16 01 13	8.73.55.111.ENG.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, đo đếm 2 chiều, 3x5(10)A, 58/100-240/415 V, CCX0,5, Module RS485, A1700, Cmis 772	Cái	34	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
20	16 01 13	8.73.55.114.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, 3x5(10)A, 57,7/100-240/415V, CCX0,5S, Module PLC, TF10m-30, Cmis 311	Cái	3	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
21	16 01 13	8.73.55.210.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, 3x5(6)A, 230/400V, CCX1, Module PLC, VSE3T-5, Cmis 637	Cái	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
22	16 01 13	8.73.55.219.ENG.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, đo đếm 2 chiều, 3x10(100)A, 230/400V, CCX1, Module RS232, A1700, Cmis 636	Cái	26	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
23	16 01 13	8.73.55.222.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, đo đếm 2 chiều, 3x5(6)A, 57,5/100-240/415V, CCX0,5, Module RF, DTS27, Cmis 805	Cái	4	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
24	16 01 13	8.73.55.223.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, 3x10(100)A, 230/400V, CCX1, Module PLC, VSE3T10, Cmis 582	Cái	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
25	16 01 13	8.73.55.224.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, 3x5(100)A, 220/380-230/400V, CCX1, Module RF, DTS27, Cmis 580	Cái	17	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
26	16 01 13	8.73.55.226.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, 3x10(100)A, 220/380V, CCX1, Module PLC, TF100m-31, Cmis 307	Cái	27	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
27	16 01 13	8.73.55.227.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 1 biểu giá, 3x10(100)A, 220/380V, CCX1, Module PLC, TF100P-31, Cmis 306	Cái	64	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
28	16 01 13	8.73.55.228.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, 3x5(6)A, 57,5/100-240/415V, CCX0,5S, Module RF, DTS27, Cmis 581	Cái	9	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
29	16 01 13	8.73.55.253.VIE.00.D00	Công tơ điện từ 3 pha 3 biểu giá, đo đếm 2 chiều, 3x50(100)A, 230/400V, CCX1, Module PLC, VSE3T-50, Cmis 640	Cái	3	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
30	16 01 13	8.88.80.184.VIE.00.D00	Màn hình LCD 32 inch	Cái	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
31	16 01 13	8.88.80.345.VIE.00.D00	Thiết bị đầu cuối Polycom VSX7000s	Bộ	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
32	17 03 04	3.56.30.230.VIE.00.D00	Máy biến điện áp-35kV-100V-0,5/1P	Quả	3	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)

Kho: T81 - DAN_T81_Kho vật tư thu hồi từ công trình ĐTXD không sử dụng được chờ thanh lý						
33	17 03 04	3.38.25.133.000.00.D00	LBS kiểu hở 22kV-ngoài trời-630A-20kA/s-dập hồ quang bằng dầu-Cách điện composit	Bộ	7	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
34	17 03 04	3.38.25.133.CZE.00.D00	LBS kiểu hở 22kV-ngoài trời-630A-20kA/s-dập hồ quang bằng dầu-Cách điện composit	Bộ	7	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
35	17 03 04	3.38.25.133.CZE.00.D00	LBS kiểu hở 22kV-ngoài trời-630A-20kA/s-dập hồ quang bằng dầu-Cách điện composit	Bộ	1	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
36	17 03 04	3.38.25.134.000.00.D00	LBS kiểu hở 22kV-Ngoài trời-630A-20kA/1s-Dập hồ quang bằng dầu-Cách điện sứ gốm	Bộ	4	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
37	16 01 13	3.42.24.624.000.00.D00	LBS kiểu kín-22kV-630A-16kA/s-Dập hồ quang bằng SF6-Cách điện polymer-CO bằng điện	Bộ	4	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)
38	16 01 13	3.42.24.644.JPN.00.D00	LBS kiểu kín-SF6-22kV-630A-20kA/4s-Cách điện sứ gốm-CO bằng điện	Bộ	2	Hàng đề nghị thanh lý (chất lượng X<50%)